

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **66** /2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **22** tháng **11** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐƠN	Số: 1185
	Ngày: 22/11
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

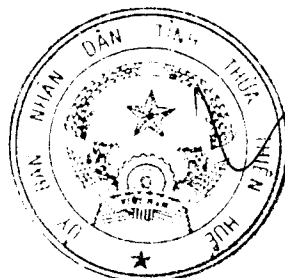
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **05** tháng **12** năm **2018**.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, NV. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thệ



QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguyên tắc, căn cứ, nội dung, trình tự, thủ tục, tiêu chí, thẩm quyền đánh giá chất lượng hoạt động của các tổ chức hành chính nhà nước định kỳ hàng năm theo yêu cầu của công tác quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức hành chính nhà nước được đánh giá bao gồm:

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; cơ quan hành chính đặc thù thuộc UBND tỉnh (gọi chung là sở);

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (gọi chung là UBND cấp huyện);

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (gọi chung là đơn vị sự nghiệp).

Điều 2. Mục đích đánh giá

1. Thông qua đánh giá chất lượng hoạt động, giúp các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp nhằm phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Kết quả xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng trong các Cụm, Khối thi đua và đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, tổng kết hàng năm nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

2. Điểm số hóa, theo tiêu chí, bằng sản phẩm.
3. Đánh giá đa chiều, lồng ghép các tiêu chí đang được thực hiện.
4. Công khai, minh bạch, công bằng trong đánh giá.

Chương II

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Điều 4. Nội dung tiêu chí đánh giá

Chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương) được xác định điểm theo các nhóm tiêu chí đánh giá như sau:

1. Kết quả thực hiện chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương

a) Công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ do Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, công tác tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành theo nhiệm vụ quản lý nhà nước;

b) Xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước của các đơn vị sự nghiệp;

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng - an ninh của UBND cấp huyện.

d) Kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại phần mềm Hệ thống theo dõi ý kiến chỉ đạo.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

b) Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;

c) Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm;

d) Quản lý tài chính, ngân sách, quản lý trang thiết bị và cơ sở vật chất;

3. Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước

a) Học tập Nghị quyết của Đảng, phổ biến pháp luật của Nhà nước;

b) Thực hiện quy chế dân chủ, văn hóa công sở, thi đua khen thưởng;

c) Thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

4. Kết quả đạt được các chỉ số tác động: Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao các chỉ số công tác cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT), chỉ số cạnh tranh cấp sở, cấp

huyện (DDCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Điểm thưởng, điểm trừ

a) Điểm thưởng

- Có thành tích được khen thưởng đạt cờ thi đua của các bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh năm trước liền kề;

- Thực hiện tốt, vượt kế hoạch các chỉ tiêu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, thu ngân sách, an ninh, quốc phòng;

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Điểm trừ

Cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính; để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Thang điểm đánh giá

a) Thang điểm đánh giá, xếp loại của các sở (theo Phụ lục 1, kèm theo Quy định này), UBND cấp huyện (theo Phụ lục 2, kèm theo Quy định này), đơn vị sự nghiệp (theo Phụ lục 3, kèm theo Quy định này) là 100 điểm.

b) Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại các Phụ lục kèm theo Quy định này.

2. Tự đánh giá, chấm điểm

a) Phương pháp tự đánh giá được thực hiện với các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc Điều 4 của Quy định này.

b) Cách chấm điểm, xác định kết quả:

- Chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần được giao nhiệm vụ và có phát sinh nhiệm vụ trong năm của từng cơ quan, địa phương.

- Xác định kết quả điểm đánh giá:

$$\text{Điểm đánh giá, xếp loại} = \frac{\text{Tổng điểm đạt được của các tiêu chí, tiêu chí thành phần được giao nhiệm vụ và có phát sinh nhiệm vụ trong năm}}{\text{Tổng điểm chuẩn của các tiêu chí, tiêu chí thành phần được giao nhiệm vụ và có phát sinh nhiệm vụ trong năm}} \times 100$$

Điều 6. Trình tự đánh giá

Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện theo trình tự sau:

1. Tự đánh giá, chấm điểm;

2. Thẩm định và công bố kết quả.

Điều 7. Tự đánh giá, chấm điểm

Hàng quý và cuối năm theo hướng dẫn của Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị mình theo các nhóm tiêu chí thuộc Điều 4 và gửi đến Sở Nội vụ, hồ sơ gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của cơ quan, địa phương đối với đánh giá năm;
2. Bảng tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần (*mức điểm cho mỗi tiêu chí đạt điểm chuẩn tối đa khi đáp ứng toàn bộ yêu cầu của tiêu chí đó hoặc giảm trừ tương ứng theo mức độ chưa hoàn thành nhiệm vụ*) đối với đánh giá hàng quý và năm;
3. Văn bản thuyết minh, giải trình việc chấm điểm;
4. Danh mục kèm theo tài liệu kiểm chứng, số liệu, thông tin làm căn cứ chứng minh việc chấm điểm.

Điều 8. Thẩm định và công bố kết quả

1. Việc thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương cuối năm được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh quyết định thành lập, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo UBND tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ;
- c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; Ban Thi đua khen thưởng tỉnh và các đơn vị liên quan, tùy theo nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của UBND tỉnh.

2. Giúp việc cho Hội đồng thẩm định có Tổ chuyên viên giúp việc, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập;

a) Thành viên Tổ chuyên viên giúp việc gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng hoặc chuyên viên tại các cơ quan có tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng thẩm định đánh giá bảng chấm điểm hàng quý làm cơ sở đánh giá bảng chấm điểm cuối năm.

3. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, công bố trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định.

Điều 9. Thời gian thực hiện

1. Thời gian tự đánh giá, chấm điểm:

Trước ngày 05 tháng đầu quý I, II, III và trước 30/11 của quý IV, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tự đánh giá, gửi bảng tự chấm điểm cho Sở Nội vụ, Tổ chuyên viên giúp việc rà soát và thẩm định.

2. Thời gian thẩm định:

a) Tổ chức thẩm định bảng điểm công bố ngày 10 của tháng đầu quý II, III, IV.

b) Trước ngày 05/12 hàng năm: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Tổ Chuyên viên giúp việc để tiến hành thẩm định và tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Trước ngày 10/12 hàng năm: Hội đồng thẩm định họp xem xét, phân tích kết quả thẩm định của Tổ chuyên viên giúp việc; đồng thời, tiến hành tổng hợp kết quả điều tra xã hội học và tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công bố kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trước 15/12 hàng năm.

Điều 10. Xếp loại các cơ quan, đơn vị, địa phương

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo các loại như sau:

1. Đạt từ 90 điểm trở lên: Xếp loại Chất lượng hoạt động Rất tốt.
2. Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại Chất lượng hoạt động Tốt.
3. Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại Chất lượng hoạt động Khá.
4. Đạt từ 50 đến dưới 70 điểm: Xếp loại Chất lượng hoạt động Trung bình.
5. Đạt dưới 50 điểm: Xếp loại Chất lượng hoạt động Kém.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Tổ chức hội nghị tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và trách nhiệm triển khai xây dựng phương pháp đánh giá và triển khai đánh giá nhằm nâng cao nhận thức cho người dân và xã hội về mục tiêu, ý nghĩa của đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Căn cứ nội dung tại các tiêu chí, tiêu chí thành phần và điểm chuẩn để xây dựng, theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo được tính đồng bộ, công khai, công bằng, thống nhất trong theo dõi, đánh giá chất lượng hoạt động hàng năm;

c) Phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách cải cách hành chính thực hiện công tác thống kê, tổng hợp kết quả triển khai các nội dung và đánh giá. Xây dựng báo cáo tự đánh giá theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Sử dụng kết quả đánh giá phục vụ công tác quản lý đề ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị trực thuộc;

d) Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, hướng dẫn, thẩm định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo phân công của Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ vào Quy định này và tình hình thực tế tại địa phương để tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường, thị trấn.

2. Sở Nội vụ

a) Xây dựng kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp hàng năm; theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai Kế hoạch nêu trên; tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm đánh giá thực chất, khách quan đúng phạm vi, đối tượng;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ chuyên viên giúp việc;

c) Chủ trì phối hợp Sở Tài chính lập kinh phí, trang cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhà nước.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp, trình UBND tỉnh;

3. Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm thẩm định và tham mưu, trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là công nghệ thông tin để triển khai đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu của tổ chức hành chính nhà nước phục vụ cho việc triển khai thực hiện phương pháp đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước.

5. Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

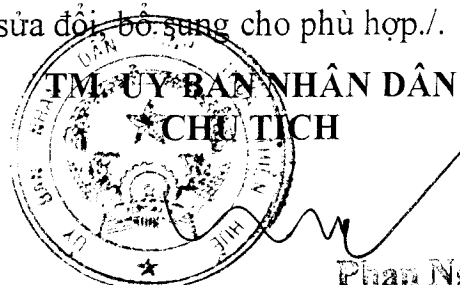
Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến quy định này; phối hợp cung cấp thông tin theo dõi, phản ánh tình hình triển khai các hoạt động hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để có cơ sở giúp các cơ quan chức năng thực hiện có hiệu quả việc đánh giá, xếp loại các tổ chức hành chính hàng năm.

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí triển khai đánh giá cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn.

Điều 13. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. ✓



Phan Ngọc Thọ



PHỤ LỤC 1

**Bảng tiêu chí, tiêu chí thành phần, thang điểm đánh giá,
kết loại chất lượng hoạt động của các sở, ban, ngành**
(Kèm theo Quyết định số 66 /2018/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Điểm
I	Kết quả thực hiện chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành	25
1.1	Triển khai thực hiện nhiệm vụ do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh giao; tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành theo nhiệm vụ quản lý nhà nước của sở, ban, ngành	15
1.1.1	Công tác tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm của đơn vị	5
	<i>Tham mưu đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành theo nhiệm vụ quản lý nhà nước trong năm</i>	2
	<i>Có chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị đầy đủ</i>	2
	<i>Kết quả thực hiện đảm bảo theo chương trình, kế hoạch</i>	1
1.1.2	Triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao	5
	<i>Hoàn thành trước thời hạn</i>	5
	<i>Hoàn thành đúng thời hạn</i>	3
	<i>Hoàn thành trong năm, nhưng không đúng thời hạn</i>	1
1.1.3	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án được giao tại Chương trình công tác năm của UBND tỉnh	5
	<i>Hoàn thành trước thời hạn</i>	5
	<i>Hoàn thành đúng thời hạn</i>	3
	<i>Hoàn thành trong năm, nhưng không đúng thời hạn</i>	1
1.2	Tham mưu giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất	5
	<i>Tham mưu đầy đủ</i>	3
	<i>Tham mưu kịp thời</i>	1
	<i>Có tính khả thi, hiệu quả</i>	1
1.3	Kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh	5
	<i>100% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	5

	<i>Từ 80% đến dưới 100% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	4
	<i>Từ 70% đến dưới 80% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	2
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý trong cơ quan, đơn vị	25
2.1	Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức	6
2.1.1	Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	2
2.1.2	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế hàng năm đảm bảo theo đăng ký	2
2.1.3	Thực hiện theo đúng quy định về quản lý tổ chức, biên chế của Trung ương và của tỉnh	2
2.2	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)	6
2.2.1	Thực hiện việc đánh giá, phân loại CBCCVC hàng năm	3
	<i>Thực hiện việc đánh giá phân loại người đứng đầu và công chức, viên chức cuối năm của cơ quan đúng quy định</i>	2
	<i>Thông báo kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC đúng quy định</i>	1
2.2.2	Kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC	3
	<i>100% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	3
	<i>Từ 80% đến dưới 100% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	2
	<i>Từ 70% đến dưới 80% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	1
2.3	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định	5
	<i>Có tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch</i>	2
	<i>Có thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh (tháng, quý, năm)</i>	2
	<i>Thực hiện các nội dung trên đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin</i>	1
2.4	Quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất	4
	<i>Có quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công</i>	1
	<i>Có công khai quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công</i>	1
	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đạt hiệu quả (thu nhập tăng thêm trên 30%)</i>	1
	<i>Thực hiện chính sách tiền lương, BHXH, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật cho công chức, viên chức đúng quy định</i>	1

2.5	Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo	4
	<i>Tổ chức tự kiểm tra theo quy định của pháp luật</i>	2
	<i>Thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	1
	<i>Giải quyết đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền</i>	1
III	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của Nhà nước	10
3.1	Thực hiện công tác học tập Nghị quyết của Đảng, phổ biến tuyên truyền pháp luật nhà nước	2
3.1	Thực hiện công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở	2
3.3	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng	2
3.4	Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng	2
3.5	Hoạt động của các tổ chức đoàn thể	2
IV	Kết quả đạt được của các Chỉ số tác động (*)	40
4.1	Kết quả chỉ số công tác CCHC (PAR Index) (**)	10
4.2	Kết quả chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT (ICT)	10
4.3	Kết quả chỉ số cạnh tranh cấp sở, cấp huyện (DDCI)	10
4.4	Kết quả chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)	10
	Tổng điểm:	100
V	Điểm thưởng	10
5.1	Có sáng kiến, giải pháp cụ thể được áp dụng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan, đơn vị hoặc lĩnh vực được giao phụ trách và được Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh trở lên công nhận (mỗi sáng kiến, đề tài, dự án được cộng thêm 1 điểm, tối đa không quá 4 điểm)	4
5.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao phụ trách hoàn thành nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm (mỗi chỉ tiêu vượt quá 10% được cộng 1 điểm, tối đa không quá 4 điểm)	2
5.3	Có thành tích được khen thưởng đạt cờ thi đua của các bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh năm trước liền kề	4
VI	Điểm trừ	10
6.1	Để xảy ra vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan, đơn vị (trừ điểm và không xem xét danh hiệu thi đua)	4
6.2	Để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị.	3

6.3	Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong cơ quan, đơn vị.	3
-----	--	---

(*) Phương pháp tính điểm đối với các Chỉ số tác động là quy đổi kết quả đánh giá các chỉ số được điểm số hóa hàng năm về thang điểm 10.

(**) Không tính kết quả chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin ICT



PHỤ LỤC 2

Bảng tiêu chí, tiêu chí thành phần, thang điểm đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động đối với UBND cấp huyện

(Kèm theo Quyết định số 66 /2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Điểm
I	Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội quốc phòng an ninh, đối ngoại trên địa bàn	25
1.1	Kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ	13
1.1.1	Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của huyện do HĐND cấp huyện thông qua, được UBND tỉnh phê duyệt	3
	<i>100% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	3
	<i>Từ 80% đến dưới 100% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	2
	<i>Từ 60% đến dưới 80% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	1
1.1.2	Hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa xã hội của huyện do HĐND cấp huyện thông qua, được UBND tỉnh phê duyệt	3
	<i>100% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	3
	<i>Từ 80% đến dưới 100% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	2
	<i>Từ 60% đến dưới 80% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	1
1.1.3	Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh của huyện do HĐND cấp huyện thông qua, được UBND tỉnh phê duyệt	3
	<i>100% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	3
	<i>Từ 80% đến dưới 100% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	2
	<i>Từ 60% đến dưới 80% chỉ tiêu được hoàn thành đúng thời gian</i>	1
1.1.4	Giải ngân các nguồn vốn trong kế hoạch được giao	2
1.1.5	Công tác quản lý, quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện	2
1.2	Triển khai thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao	9
1.2.1	Triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao	5
	<i>Hoàn thành trước thời hạn</i>	5
	<i>Hoàn thành đúng thời hạn</i>	3
	<i>Hoàn thành trong năm, nhưng không đúng thời hạn</i>	1
1.2.2	Kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh	4
	<i>100% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	4
	<i>Từ 80% đến dưới 100% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	2
	<i>Từ 70% đến dưới 80% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	1

1.3	Kết quả triển khai thực hiện Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Một cửa hiện đại cấp xã	3
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý trong cơ quan, đơn vị	25
2.1	Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức	6
2.1.1	Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	2
2.1.2	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyên dụng, sử dụng công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế hàng năm đảm bảo theo đăng ký	2
2.1.3	Thực hiện theo đúng quy định về quản lý tổ chức, biên chế của Trung ương và của tỉnh	2
2.2	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)	6
2.2.1	Thực hiện việc đánh giá, phân loại CBCCVC hàng năm tại các phòng, ban chuyên môn	3
	<i>Thực hiện việc đánh giá phân loại người đứng đầu và công chức, viên chức cuối năm của cơ quan đúng quy định</i>	2
	<i>Thông báo kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC đúng quy định</i>	1
2.2.2	Kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC	3
	<i>100% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	3
	<i>Từ 80% đến dưới 100% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	2
	<i>Từ 70% đến dưới 80% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	1
2.3	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định	5
	<i>Có tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch</i>	2
	<i>Có thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh (tháng, quý, năm)</i>	2
	<i>Thực hiện các nội dung trên đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin</i>	1
2.4	Quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất	4
	<i>Có quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công</i>	1
	<i>Có công khai quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công</i>	1
	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đạt hiệu quả (thu nhập tăng thêm trên 30%)</i>	1
	<i>Thực hiện chính sách tiền lương, BHXH, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật cho công chức, viên chức đúng quy định</i>	1
2.5	Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo	4
	<i>Tổ chức tự kiểm tra theo quy định của pháp luật</i>	2
	<i>Thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	1
	<i>Giải quyết đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền</i>	1

III	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của Nhà nước	10
3.1	Thực hiện công tác học tập Nghị quyết của Đảng, phổ biến tuyên truyền pháp luật nhà nước	2
3.1	Thực hiện công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở	2
3.3	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng	2
3.4	Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng	2
3.5	Hoạt động của các tổ chức đoàn thể	2
IV	Kết quả đạt được của các Chỉ số tác động (*)	40
4.1	Kết quả chỉ số công tác CCHC (PAR Index) (**)	10
4.2	Kết quả chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT (ICT)	10
4.3	Kết quả chỉ số cạnh tranh cấp sở, cấp huyện (DDCI)	10
4.4	Kết quả chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)	10
	Tổng điểm:	100
V	Điểm thưởng	10
5.1	Có thành tích được khen thưởng đạt cờ thi đua của các bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh năm trước liền kề	2
5.2	Thực hiện tốt, vượt kế hoạch các chỉ tiêu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, thu ngân sách, an ninh quốc phòng (mỗi chỉ tiêu vượt quá 10% được cộng 1 điểm, tối đa không quá 4 điểm)	4
5.3	Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt (mỗi đề tài, dự án được cộng thêm 1 điểm, tối đa không quá 4 điểm)	4
VI	Điểm trừ	10
6.1	Cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính (trừ điểm và không xem xét danh hiệu thi đua)	4
6.2	Cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	3
6.3	Cơ quan, đơn vị, địa phương vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước	3

(*) Phương pháp tính điểm đối với các Chỉ số tác động là quy đổi kết quả đánh giá các chỉ số được điểm số hóa hàng năm về thang điểm 10.

(**) Không tính kết quả chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin ICT.



PHỤ LỤC 3

Bảng tiêu chí, tiêu chí thành phần, thang điểm đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh
(Xem theo Quyết định số 66 /2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Điểm
I	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước	40
1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	11
1.1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	5
	<i>100% văn bản được tham mưu thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định</i>	5
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản được tham mưu thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định</i>	3
	<i>Từ 60% đến dưới 80% văn bản được tham mưu thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định</i>	2
1.1.2	Thực hiện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước	6
	<i>Có ban hành quy chế phối hợp</i>	2
	<i>Triển khai thực hiện đảm bảo quy chế</i>	2
	<i>Có tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện</i>	2
1.2	Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện nhiệm vụ	16
1.2.1	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị	5
	<i>Có xây dựng chương trình, kế hoạch đầy đủ</i>	2
	<i>Đề ra các giải pháp mới được áp dụng</i>	2
	<i>Giải pháp áp dụng có tính khả thi, hiệu quả</i>	1
1.2.2	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	6
	<i>Có ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ</i>	2
	<i>Có báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</i>	2
	<i>Kết quả thực hiện được cấp thẩm quyền ghi nhận.</i>	2
1.2.3	Kết quả thực hiện các chương trình, đề án được giao tại Chương trình công tác năm của UBND tỉnh	5
	<i>Hoàn thành trước thời hạn</i>	5
	<i>Hoàn thành đúng thời hạn</i>	3
	<i>Hoàn thành trong năm, nhưng không đúng thời hạn</i>	1

1.3	Kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại phần mềm Hệ thống theo dõi ý kiến chỉ đạo	5
	<i>100% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	5
	<i>Từ 80% đến dưới 100% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	3
	<i>Từ 70% đến dưới 80% ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh được hoàn thành đúng thời gian</i>	1
1.4	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, chế độ tài chính, kế toán	4
1.5	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh trở lên, các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công	4
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý trong cơ quan, đơn vị	40
2.1	Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức	9
2.1.1	Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	3
2.1.2	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế hàng năm đảm bảo theo đăng ký	3
2.1.3	Thực hiện theo đúng quy định về quản lý tổ chức, biên chế của Trung ương và của tỉnh	3
2.2	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)	8
2.2.1	Thực hiện việc đánh giá, phân loại CBCCVC hàng năm	5
	<i>Thực hiện việc đánh giá phân loại người đứng đầu và công chức, viên chức cuối năm của cơ quan đúng quy định</i>	3
	<i>Thông báo kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC đúng quy định</i>	2
2.2.2	Kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC	3
	<i>100% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	3
	<i>Từ 80% đến dưới 100% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	2
	<i>Từ 70% đến dưới 80% CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	1
2.3	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định	5
	<i>Có tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch</i>	2
	<i>Có thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh (tháng, quý, năm)</i>	2
	<i>Thực hiện các nội dung trên đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin</i>	1
2.4	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chế độ tài chính	8
	<i>Có quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công</i>	2
	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đạt hiệu quả (thu nhập tăng thêm trên 30%)</i>	2
	<i>Có công khai quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng</i>	2

	<i>tài sản công</i>	
	<i>Thực hiện chính sách tiền lương, BHXH, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật cho công chức, viên chức đúng quy định</i>	2
2.5	Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo	7
	<i>Tổ chức tự kiểm tra theo quy định của pháp luật</i>	2
	<i>Thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	2
	<i>Giải quyết đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền</i>	2
	<i>Thông báo kết quả thu lý giải quyết khiếu nại, phản ánh</i>	1
2.6	Những sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị	3
III	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của Nhà nước	20
3.1	Thực hiện công tác học tập Nghị quyết của Đảng, phổ biến tuyên truyền pháp luật nhà nước	4
3.1	Thực hiện quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở	4
3.3	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng	4
3.4	Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng	4
3.5	Hoạt động của các tổ chức đoàn thể	4
	Tổng điểm:	100
IV	Điểm thưởng	10
4.1	Có thành tích được khen thưởng đạt cờ thi đua của các bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh năm trước liền kề (được tặng Bằng khen cộng 1 điểm)	2
4.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý điều hành đơn vị	2
4.3	Áp dụng hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2015	2
4.4	Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt (mỗi đề tài, dự án được cộng thêm 1 điểm, tối đa không quá 4 điểm)	4
	Thu ngân sách vượt	
V	Điểm trừ	10
5.1	Đề xảy ra vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đơn vị (trừ điểm và không xem xét danh hiệu thi đua)	4
5.2	Đề xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đơn vị	3
5.3	Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước	3